

Thông tin tuyển sinh Đại học Giao thông vận tải TPHCM (UTH) năm 2025

(Cập nhật ngày 16/07)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên trường:** Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh (UTH)
- 2. Mã trường:** GTS
- 3. Đối tượng tuyển sinh:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT
- 4. Chương trình đào tạo:** 120 tín chỉ *(không bao gồm Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng – an ninh; Tiếng Anh và Tin học theo chuẩn đầu ra)*
- 5. Thời gian đào tạo:** Tối thiểu 3 năm theo quy định
- 6. Phương thức tuyển sinh:**
 - 1. Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ
 - 2. Phương thức 2:** Ưu tiên xét tuyển theo quy định của Trường
 - 3. Phương thức 3:** Xét tuyển theo kết hợp
- 7. Thời gian đăng ký:**
 - Theo quy định của Bộ GD&ĐT
 - Thí sinh theo dõi tại <https://ts25.ut.edu.vn>
- 8. Thông tin liên hệ:**
 - Trang thông tin chính: <https://ut.edu.vn>
 - Trang thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ut.edu.vn>
 - Facebook: <https://www.facebook.com/tuyensinhgtvt>
 - Hotline: 0832488288; 028.35128986

II. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN

1. Điều kiện chung

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Trường (thông báo sau);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Nhà trường thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Điều kiện theo phương thức

Phương thức 1: Xét Tuyển thẳng theo quy định của Bộ

Phương thức 2: Ưu tiên xét tuyển theo quy định của Trường

Thí sinh đạt điều kiện quy định tại Điều 8 quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Thí sinh chỉ cần đạt một trong sáu tiêu chí sau để đăng ký ưu tiên xét tuyển theo quy định của trường:

- Tiêu chí 1: Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố các môn có thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

- Tiêu chí 2: Sử dụng chứng chỉ Tiếng Anh.

Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh còn thời hạn hiệu lực tính đến ngày nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển từ các mức điểm như sau trở lên: *IELTS 6.0, TOEFL iBT 60, TOEFL ITP 530, TOEIC 600, Bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.*

- Tiêu chí 3: Thí sinh là học sinh tại các trường chuyên/năng khiếu (thuộc tỉnh/thành phố, quốc gia, đại học), hoặc trường THPT trọng điểm quốc gia tiên tiến.

Danh sách trường THPT chuyên/năng khiếu, và trường THPT trọng điểm quốc gia tiên tiến do UTH chọn lọc.

- Tiêu chí 4: Thí sinh có kết quả học tập ít nhất 03/6 học kỳ hoặc tương đương (Cả năm (lớp 10 hoặc 11 hoặc 12) + 01 học kỳ bất kỳ hoặc kết quả của 02 năm) đạt học lực xếp loại Tốt.

- Tiêu chí 5: Học sinh đăng ký vào nhóm ngành về đường sắt tốc độ cao; Thí sinh có thư giới thiệu của các địa phương có nhu cầu nhân lực về ngành nghề; các tập đoàn, doanh nghiệp ký kết hợp tác với UTH;

- Tiêu chí 6: Thí sinh có thành tích, năng khiếu, hoặc hoàn cảnh đặc biệt đến từ các trường THPT có ký kết hợp tác với UTH, hồ sơ xét tuyển phải có thư giới thiệu của Hiệu trưởng

trường THPT nơi học sinh đang theo học, danh sách các trường ký kết hợp tác tra cứu tại <https://ts25.ut.edu.vn>.

c) Phương thức 3: Xét tuyển theo kết hợp

Sử dụng kết quả học tập tốt nhất của Thí sinh. Điểm học bạ năm 12; Điểm thi tốt nghiệp THPT; Điểm ĐGNL[1] (không có sẽ chọn thay thế điểm học bạ hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT).

Điểm xét tuyển (UTH120) = 0.4 * MAX (K1*ĐGNL; K2*Điểm học bạ 12; K3*Điểm thi tốt nghiệp) + 0.3* Điểm học bạ năm 12+ 0,3*Điểm thi tốt nghiệp + Điểm ưu tiên (nếu có).

Điểm học bạ 12 = [Môn 1 (HK1 + HK2) + Môn 2 (HK1 + HK2) + Môn 3 (HK1 + HK2) + Max (Môn 1; Môn 2; Môn 3)] * 30

Điểm thi tốt nghiệp = [Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Max(Môn 1; Môn 2; Môn 3)] * 30

K1,K2,K3 là hệ số được xác định quy đổi tương đương kết quả giữa các loại điểm của thí sinh. Hội đồng tuyển sinh quyết định giá trị dựa trên dữ liệu thí sinh đăng ký vào UTH.

Điểm ưu tiên (nếu có) = Điểm ưu tiên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo + Tổng các điểm khuyến khích theo quy định của Trường (Đáp ứng một trong các điều kiện sau: (1) Đạt 1 trong 6 tiêu chí ưu tiên xét tuyển; (2) Học sinh từ các trường THPT có cựu sinh viên UTH tốt nghiệp loại giỏi trong 3 năm gần nhất; (3) Học sinh từ trường THPT có Sinh viên UTH đóng góp cho các hoạt động và phát triển của nhà trường; (4) Học sinh là con em của các tập đoàn, doanh nghiệp là đối tác của UTH.

* Link tính thử **Điểm xét tuyển** <https://ts25.ut.edu.vn>

3. Nguyên tắc xét tuyển

- Nguyên tắc: Bảo đảm công bằng, bình đẳng giữa các thí sinh
- Nhà trường thực hiện tất cả biện pháp để tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi thí sinh; tuyển chọn được những thí sinh có nguyện vọng và năng lực phù hợp nhất với yêu cầu của chương trình và ngành đào tạo;
- Tiêu chí xét tuyển phụ: Trường hợp có nhiều thí sinh cùng bằng điểm xét tuyển thì ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển cao hơn (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

II. DANH MỤC NGÀNH/CHƯƠNG TRÌNH

TT	Tên ngành/CTĐT	Tổ hợp môn xét tuyển	
		Môn bắt buộc	Môn tự chọn

1.	Ngôn ngữ Anh – chương trình tiên tiến	Ngữ văn	2 môn trong NTC2
2.	Ngôn ngữ Anh (<i>chuyên ngành Tiếng Anh thương mại, logistics và vận tải quốc tế</i>) - chương trình hoàn toàn bằng Tiếng Anh	Ngữ văn	2 môn trong NTC2
3.	Luật – chương trình tiên tiến	Toán; Ngữ văn	1 môn trong NTC3
4.	Quản trị kinh doanh – chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
5.	Hệ thống thông tin quản lý - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
6.	Hệ thống thông tin quản lý (<i>chuyên ngành Kinh tế số và Trí tuệ nhân tạo</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
7.	Hệ thống thông tin quản lý (<i>chuyên ngành Kinh tế số và Trí tuệ nhân tạo</i>) - chương trình hoàn toàn bằng Tiếng Anh	Toán	2 môn trong NTC1
8.	Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành Truyền thông số và Đổi mới sáng tạo</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
9.	Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành Smart logistics</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
10.	Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành Khoa học dữ liệu và AI</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
11.	Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành Công nghệ ô tô số</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
12.	Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành Công nghệ thông tin</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
13.	Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành Công nghệ thông tin</i>)- chương trình hoàn toàn bằng Tiếng Anh	Toán	2 môn trong NTC1
14.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (<i>chuyên ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật thiết kế vi mạch và AI</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
15.	Khoa học dữ liệu - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
16.	Công nghệ kỹ thuật giao thông (<i>chuyên ngành Quy hoạch và quản lý giao</i>	Toán	2 môn trong NTC1

	<i>thông; Logistics và hạ tầng giao thông</i>) - chương trình tiên tiến		
17.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
18.	Công nghệ kỹ thuật ô tô - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
19.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
20.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
21.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng - chương trình hoàn toàn bằng Tiếng Anh	Toán	2 môn trong NTC1
22.	Kỹ thuật cơ khí (<i>chuyên ngành Cơ khí tự động</i>)- chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
23.	Kỹ thuật cơ khí (<i>chuyên ngành Cơ khí đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
24.	Kỹ thuật cơ khí (<i>chuyên ngành kỹ thuật cơ khí hàng không</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
25.	Kỹ thuật tàu thủy (<i>chuyên ngành Kỹ thuật tàu thủy, công trình nổi và quản lý hệ thống công nghiệp</i>)	Toán	2 môn trong NTC1
26.	Kỹ thuật ô tô (<i>chuyên ngành Cơ khí ô tô; Cơ điện tử ô tô</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
27.	Kỹ thuật điện (<i>chuyên ngành Điện công nghiệp; Hệ thống điện giao thông; Năng lượng tái tạo</i>)	Toán	2 môn trong NTC1
28.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
29.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
30.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (<i>chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển tự động và thông tin tín hiệu đường sắt tốc độ cao</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
31.	Kỹ thuật môi trường (<i>chuyên ngành Kỹ thuật môi trường; Quản lý an toàn và môi trường</i>)	Toán	2 môn trong NTC1

32.	Hướng liên ngành: Kỹ thuật môi trường và Logistics (<i>chuyên ngành Logistics xanh và phát triển bền vững</i>) – chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
33.	Kỹ thuật xây dựng (<i>chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp</i>)	Toán	2 môn trong NTC1
34.	Kỹ thuật xây dựng (<i>chuyên ngành Thiết kế nội thất</i>) – chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
35.	Kỹ thuật xây dựng (<i>chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng dân dụng Ứng dụng công nghệ số</i>)	Toán	2 môn trong NTC1
36.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy (<i>chuyên ngành Xây dựng và quản lý cảng - công trình giao thông thủy</i>)	Toán	2 môn trong NTC1
37.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (<i>chuyên ngành Xây dựng cầu đường; Xây dựng đường bộ; Xây dựng công trình giao thông đô thị</i>)	Toán	2 môn trong NTC1
38.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (<i>chuyên ngành Xây dựng đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị</i>)	Toán	2 môn trong NTC1
39.	Kinh tế xây dựng (<i>chuyên ngành Kinh tế xây dựng</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
40.	Kinh tế xây dựng (<i>chuyên ngành Kinh tế và quản lý bất động sản</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
41.	Quản lý xây dựng - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
42.	Khai thác vận tải (<i>chuyên ngành Quản trị logistics và vận tải đa phương thức</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
43.	Khai thác vận tải (<i>chuyên ngành Khai thác đường sắt tốc độ cao</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
44.	Khai thác vận tải (<i>chuyên ngành Quản lý và kinh doanh vận tải</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
45.	Kinh tế vận tải (<i>chuyên ngành Kinh tế hàng hải và đường thủy</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1

46.	Kinh tế vận tải (<i>chuyên ngành Kinh tế hàng không</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
47.	Khoa học hàng hải (<i>chuyên ngành Kỹ thuật điện, điện tử và điều khiển; Cơ điện tử</i>)	Toán	2 môn trong NTC1
48.	Khoa học hàng hải (<i>chuyên ngành Quản lý hàng hải và đường thủy</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
49.	Khoa học hàng hải (<i>chuyên ngành Điều khiển và quản lý tàu biển</i>)	Toán	2 môn trong NTC1
50.	Khoa học hàng hải (<i>chuyên ngành Khai thác máy tàu thủy và quản lý kỹ thuật</i>)	Toán	2 môn trong NTC1
51.	Khoa học hàng hải (<i>chuyên ngành Quản lý cảng và logistics</i>) - chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1
52.	Nhóm ngành liên quan đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị (<i>Kỹ thuật; Công nghệ kỹ thuật; Kiến trúc và Xây dựng</i>)	Toán	2 môn trong NTC1
53.	Nhóm ngành liên quan đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị (<i>Công nghệ thông tin; Viễn thông, Điện; năng lượng, Cơ khí</i>)	Toán	2 môn trong NTC1
54.	Nhóm ngành liên quan đường sắt tốc độ cao và đường sắt đô thị (<i>Kinh tế; Quản lý; vận hành và khai thác</i>)	Toán	2 môn trong NTC1
55.	Nhóm ngành tuyển chung (<i>dành cho đối tượng chưa xác định được ngành học</i>) – Chương trình tiên tiến	Toán	2 môn trong NTC1

Nhóm môn tự chọn 1 (NTC1): Ngữ văn; Vật lý; Hóa học; Sinh học; Lịch sử; Địa lý; Giáo dục công dân; Giáo dục kinh tế và pháp luật; Tin học; Công nghệ Công nghiệp; Công nghệ Nông nghiệp; Tiếng Anh.

Nhóm môn tự chọn 2 (NTC2): Toán; Vật lý; Hóa học; Sinh học; Lịch sử; Địa lý; Giáo dục công dân; Giáo dục kinh tế và pháp luật; Tin học; Công nghệ Công nghiệp; Công nghệ Nông nghiệp; Tiếng Anh.

Nhóm môn tự chọn 3 (NTC3): Vật lý; Hóa học; Sinh học; Lịch sử; Địa lý; Giáo dục công dân; Giáo dục kinh tế và pháp luật; Tin học; Công nghệ Công nghiệp; Công nghệ Nông nghiệp; Tiếng Anh.

III. CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

1. Các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài (2+2):

TT	Ngành tuyển sinh	Đối tác cấp bằng	Hình thức đào tạo	Ngôn ngữ đào tạo
1.	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Đại học Quốc gia Hàng hải và Hải dương Hàn Quốc	2 năm đầu học tại Việt Nam, 2 năm cuối học tại Hàn Quốc	Tiếng Anh
2.	Quản lý Cảng và Logistics	Đại học Tongmyong Hàn Quốc	2 năm đầu học tại Việt Nam, 2 năm cuối học tại Hàn Quốc	Tiếng Anh
3.	Logistics toàn cầu và Quản lý chuỗi cung ứng	Đại học Quốc gia Pukyong Hàn Quốc	2 năm đầu học tại Việt Nam, 2 năm cuối học tại Hàn Quốc	Tiếng Anh

Chi tiết về chương trình: <https://iec.ut.edu.vn/vi/cu-nhan/cu-nhan-logistics-quoc-te>

2. Điều kiện và ngưỡng điểm nhận đăng ký xét tuyển

- Đạt IELTS 5.5/tương đương sẽ được công nhận trúng tuyển thẳng vào học chuyên ngành;
- Chưa đạt IELTS 5.5/tương đương sẽ được công nhận trúng tuyển dự bị và học chương trình tăng cường Tiếng Anh tại trường trước khi vào học chuyên ngành (thời gian học dự bị Tiếng Anh tùy thuộc vào năng lực Tiếng Anh của từng sinh viên).

3. Hình thức, thời gian và hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Đăng ký tư vấn ngay tại: <https://bit.ly/cunhanquocteuth>
- Hotline: 0906 681 588

IV. HỌC BỔNG VÀ CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ

KHÔNG TĂNG HỌC PHÍ 3 NĂM ĐẦU;

HỌC BỔNG THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ;

HỌC BỔNG THỬ KHOA ĐẦU VÀO CÁC NGÀNH/CHƯƠNG TRÌNH;

Học phí sinh viên chính quy theo tín chỉ như sau:

+ Chương trình đào tạo chuẩn: **450 ngàn/ tín chỉ;**

+ Chương trình tiên tiến (**không tăng so với 2024**): **980 ngàn / tín chỉ;**

+ Chương trình hoàn toàn bằng Tiếng Anh (**không tăng so với 2024**): **1 triệu 500 ngàn / tín chỉ.**